

**CÔNG TY CỔ PHẦN NEF DIGITAL**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NEF DIGITAL

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NEF DIGITAL JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: NEF.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108456831

**3. Ngày thành lập:** 03/10/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 71-73-75 đường Trường Chinh, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email: [info@nef.vn](mailto:info@nef.vn)

Website: <http://nef.vn>

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 6619     |
| 2.  | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7222     |
| 3.  | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7310     |
| 4.  | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7320     |
| 5.  | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 6311     |
| 6.  | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ các hoạt động dạy về tôn giáo và các trường của các tổ chức của Đảng, đoàn thể)                                                                                                                                                                                                                                                    | 8559     |
| 7.  | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>Chi tiết: Hoạt động sản xuất phim video                                                                                                                                                                                                                                                             | 5911     |
| 8.  | Hoạt động nhiếp ảnh<br>(Không bao gồm hoạt động của các phóng viên)                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7420     |
| 9.  | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7212     |
| 10. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động phiên dịch;<br>- Hoạt động môi giới thương mại, sắp xếp có mục đích và bán ở mức nhỏ và trung bình, bao gồm cả thực hành chuyên môn, không kể môi giới bất động sản;<br>- Tư vấn về công nghệ khác;<br>- Hoạt động tư vấn khác trừ tư vấn kiến trúc, kỹ thuật và quản lý... | 7490     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 11. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết:<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển;<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển;<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển;<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác, không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu | 7730        |
| 12. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 6201(Chính) |
| 13. | Cổng thông tin                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 6312        |
| 14. | Hoạt động hậu kỳ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5912        |
| 15. | Sao chép bản ghi các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1820        |
| 16. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7990        |
| 17. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4649        |
| 18. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 6202        |
| 19. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7911        |
| 20. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4761        |
| 21. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4690        |
| 22. | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết: cho thuê ô tô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7710        |
| 23. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7410        |
| 24. | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí<br>(Trừ hoạt động của các nhà báo)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 9000        |
| 25. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7221        |
| 26. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7020        |
| 27. | Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7729        |
| 28. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 6209        |
| 29. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 8230        |
| 30. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4651        |
| 31. | Xuất bản phần mềm<br>(trừ hoạt động xuất bản phẩm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5820        |
| 32. | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7721        |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:****8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông    | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức           | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN VĂN HÒA | Tổ 17, Phường Thạch Bàn, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                            | Cổ phần phổ thông | 40.000     | 400.000.000           | 20,000    | 013145126                                                                                   |         |
|     |                |                                                                                                | Tổng số           | 40.000     | 400.000.000           | 20,000    |                                                                                             |         |
| 2   | ĐẶNG HẢI VÂN   | Tổ 34, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                             | Cổ phần phổ thông | 10.000     | 100.000.000           | 5,000     | 012043241                                                                                   |         |
|     |                |                                                                                                | Tổng số           | 10.000     | 100.000.000           | 5,000     |                                                                                             |         |
| 3   | LÊ KHẮC CHÍ    | Số 105 A9 đường Khương Trung, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 150.000    | 1.500.000.000         | 75,000    | 013305306                                                                                   |         |
|     |                |                                                                                                |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: LÊ KHẮC CHÍ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 19/05/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 013305306

Ngày cấp: 08/05/2010

Nơi cấp: Công an TP Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 105 A9 đường Khương Trung, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 105 A9 đường Khương Trung, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội